

Số: 629/QĐ-ĐHHV

Phú Thọ, ngày 30 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành “Thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2025”
của Trường Đại học Hùng Vương

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non và Thông tư số 10/2023/TT-BGDĐT ngày 28/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết 02/NQ-HĐT ngày 28/6/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hùng Vương ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Hùng Vương;

Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-ĐHHV ngày 15/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương ban hành Quy chế tuyển sinh đại học và Quyết định số 403/QĐ-ĐHHV ngày 04/04/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tuyển sinh đại học;

Căn cứ Quyết định số 518/QĐ-ĐHHV ngày 06/5/2025 của Trường Đại học Hùng Vương về việc thành lập Ban chỉ đạo và các tiểu ban xây dựng thông tin tuyển sinh năm 2025 của Trường Đại học Hùng Vương;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2025” của Trường Đại học Hùng Vương.

Điều 2. Thông tin tuyển sinh sẽ được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung khi có thông tin mới và được công bố trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển đúng thời hạn theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Đào tạo, trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- HT, các PHT, CT HĐT;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



Đỗ Khắc Thanh

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Đại học hệ chính quy)

(Kèm theo Quyết định số 629/ĐHHV-ĐT ngày 30 tháng 5 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Hùng Vương
- Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** THV
- Địa chỉ:** Phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
- Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <https://www.hvu.edu.vn>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0866.99.3468
- Địa chỉ công khai quy chế, Thông tin tuyển sinh:** <https://www.hvu.edu.vn>
- Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:**
<https://www.hvu.edu.vn/tin-tuc/cong-khai.hvu>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

Đối tượng, điều kiện dự tuyển theo quy định Quy chế tuyển sinh hiện hành.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

Trường Đại học Hùng Vương tuyển sinh các thí sinh thuộc các vùng như sau:

- Các ngành đại học sư phạm: Thực hiện đào tạo theo kế hoạch giao nhiệm vụ đào tạo sinh viên sư phạm của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, chỉ tuyển các thí sinh có hộ khẩu tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hoà Bình. Thực hiện tuyển sinh đối với các tỉnh khác khi có đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đầu thầu theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP của các tỉnh.

- Các ngành ngoài sư phạm: Tuyển sinh toàn quốc.

2. Phương thức tuyển sinh

Năm 2025, Trường Đại học Hùng Vương thực hiện tuyển sinh nhiều đợt trong năm và sử dụng các phương thức tuyển sinh sau:

(TS01) Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

(TS02) Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12.

(TS03) Xét tuyển kết hợp kết quả học tập lớp 12 với chứng chỉ quốc tế.

(TS04) Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp với điểm thi năng khiếu.

(TS05) Xét tuyển kết quả học tập lớp 12 kết hợp với điểm thi năng khiếu.

(TS06) Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

(TS07) Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học; Xét tuyển học sinh được cử đào tạo trình độ đại học theo chế độ cử tuyển.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

3.1.1. Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (TS01)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được xác định sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào với nhóm ngành đào tạo giáo viên, nhóm ngành sức khỏe của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.1.2. Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 (TS02)

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và đạt điều kiện như sau:

(1) *Đối với các ngành sư phạm:* Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (hoặc học lực xếp loại từ giỏi trở lên). Riêng các ngành Giáo dục thể chất, Sư phạm âm nhạc: Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (hoặc học lực xếp loại từ khá trở lên).

(2) *Đối với các ngành ngoài sư phạm:*

- Ngành Điều dưỡng: Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (hoặc học lực xếp loại từ khá trở lên).

- Các ngành khác: Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển (đã tính điểm ưu tiên) đạt 18,0 trở lên.

3.1.3. Xét tuyển kết hợp kết quả học tập lớp 12 với chứng chỉ quốc tế (TS03)

Đối với các thí sinh có chứng chỉ IC3 và MOS để xét tuyển vào ngành Công nghệ thông tin; có chứng chỉ IELTS, TOEFL iBT, TOEIC, TOEFL Paper, B2 Cambridge để xét tuyển vào ngành Sư phạm Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc; có chứng chỉ HSK để xét tuyển vào ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Nhà trường sẽ có quy điểm sang thang điểm 10 để tính trong tổ hợp xét tuyển. Ngưỡng đảm bảo chất lượng của các ngành thực hiện theo mục 3.1.2. Cụ thể như sau:

TT	Điểm quy đổi	Môn Tiếng Anh					Môn tiếng Trung			Môn Tin học	
		Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm TOEIC (4 kỹ năng)	Điểm TOEFL Paper	Điểm B2 Cambridge	Điểm HSK 3	Điểm HSK 4	Điểm HSK 5	Điểm IC3	Điểm MOS
1	10	7.0 trở lên	100 trở lên	850 trở lên	575 trở lên	180 trở lên		277 trở lên	253 trở lên	941 trở lên	941 trở lên
2	9.5	6.5	90-99	800-849	550-574	175-179	277-300	253-276	229-252	881-940	881-940
3	9.0	6.0	80-89	750-799	525-549	170-174	253-276	229-252	205-228	821-880	821-880
4	8.5	5.5	70-79	700-749	500-524	165-169	229-252	205-228	180-204	761-820	761-820
5	8.0	5.0	60-69	650-699	475-499	160-164	205-228	180-204		700-760	700-760

3.1.4. Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp với điểm thi năng khiếu (TS04)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được xác định sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào với nhóm ngành đào tạo giáo viên, nhóm ngành sức khỏe của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.1.5. Xét tuyển kết quả học tập lớp 12 kết hợp với điểm thi năng khiếu (TS05)

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và đạt điều kiện như sau:

(1) *Đối với ngành Giáo dục Mầm non*: Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (hoặc học lực xếp loại từ giỏi trở lên). Tổng điểm của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển (đã tính điểm ưu tiên) đạt 21.0 trở lên.

(2) *Đối với ngành Giáo dục thể chất, Sư phạm âm nhạc*: Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (hoặc học lực xếp loại từ khá trở lên). Tổng điểm của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển (đã tính điểm ưu tiên) đạt 20.0 trở lên.

3.1.6. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển (TS06)

- Trường tổ chức xét tuyển thẳng theo các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành. Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia và tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp. Thí sinh là người nước ngoài có nguyện vọng học và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có kết quả kiểm tra kiến thức đạt yêu cầu được xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp.

- Trường tổ chức ưu tiên xét tuyển theo các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành và quy định của trường.

3.1.7. Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học; Xét tuyển học sinh được cử đào tạo trình độ đại học theo chế độ cử tuyển (TS07)

Nhà trường tổ chức xét tuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học, xét tuyển học sinh được cử đào tạo trình độ đại học theo chế độ cử tuyển theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số và các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Học sinh hoàn thành chương trình dự bị, học sinh được cử đào tạo trình độ đại học theo chế độ cử tuyển và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT của năm tốt nghiệp THPT tương ứng.

3.2. Quy tắc quy đổi điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển của các phương thức, tổ hợp xét tuyển sẽ được Nhà trường công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào với nhóm ngành đào tạo giáo viên, nhóm ngành sức khỏe của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức, tổ hợp tuyển sinh	Ghi chú
1	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	130	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Toán, Hóa học, Sinh học (B00) 2. Toán, Sinh học, Tin học (X14) 3. Toán, Ngữ văn, Sinh học (B03) 4. Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh (D01)	
2	7640101	Thú y	7640101	Thú y	30	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Toán, Ngữ văn, Công nghệ NN (X04) 2. Toán, Công nghệ NN, GDKT&PL (X55) 3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) 4. Toán, Sinh học, Tin học (X14)	
3	7620105	Chăn nuôi	7620105	Chăn nuôi	15		
4	7620110	Khoa học cây trồng	7620110	Khoa học cây trồng	15		
5	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	50		
6	7810101	Du lịch	7810101	Du lịch	20	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL (X70) 2. Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL (X74) 3. Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01) 4. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	
7	7760101	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	30		
8	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	200		
9	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	80	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Toán, Tin học, GDKT&PL (X53) 2. Toán, Ngữ văn, GDKT&PL (X01) 3. Toán, Tiếng Anh, GDKT&PL (X25) 4. Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh (D01)	
10	7340201	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	40		
11	7310101	Kinh tế	7310101	Kinh tế	50		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức, tổ hợp tuyển sinh	Ghi chú
12	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	110	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS03, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Tiếng Anh, Ngữ văn, Toán (D01) 2. Tiếng Anh, Ngữ văn, Địa lí (D15) 3. Tiếng Anh, Ngữ văn, Lịch sử (D14) 4. Tiếng Anh, Ngữ văn, GD&ĐT (X78)	
13	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	500	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS03, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Tiếng Anh, Ngữ văn, Toán (D01) 2. Tiếng Trung, Ngữ văn, Toán (D04) 3. Tiếng Anh, Ngữ văn, Lịch sử (D14) 4. Tiếng Anh, Ngữ văn, GD&ĐT (X78)	
14	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	140	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS03, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) 2. Toán, Tiếng Anh, Tin học (X26) 3. Toán, Ngữ Văn, Tin học (X02) 4. Toán, Tiếng Anh, GD&ĐT (X25)	
15	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	80	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Toán, Vật lí, Tin học (X06) 2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) 3. Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh (D01) 4. Toán, Tiếng Anh, GD&ĐT (X25)	
16	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	30		
17	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	140	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Toán, Ngữ văn, Vật lí (C01) 2. Toán, Ngữ văn, GD&ĐT (X01) 3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) 4. Toán, Ngữ Văn, Lịch sử (C03)	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức, tổ hợp tuyển sinh	Ghi chú
18	7140209	Sư phạm Toán (Toán tin)	7140209	Sư phạm Toán (Toán tin)	25	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Toán, Vật lý, Hóa học (A00) 2. Toán, Vật lý, Tin học (X06) 3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) 4. Toán, Tiếng Anh, GDKT&PL (X25)	
19	7140217	Sư phạm Ngữ Văn	7140217	Sư phạm Ngữ Văn	20	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) 2. Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14) 3. Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL (X70) 4. Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL (X74)	
20	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	20	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS03, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Tiếng Anh, Ngữ văn, Toán (D01) 2. Tiếng Anh, Ngữ văn, Địa lí (D15) 3. Tiếng Anh, Ngữ văn, Lịch sử (D14) 4. Tiếng Anh, Ngữ văn, GDKT&PL (X78)	
21	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	15	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Toán, Vật lý, Hóa học (A00) 2. Toán, Hóa học, Sinh học (B00) 3. Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) 4. Toán, Sinh học, Tin học (X14)	
22	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	15	Xét tuyển các phương thức TS01, TS02, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) 2. Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL (X70) 3. Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14) 4. Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL (X74)	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức, tổ hợp tuyển sinh	Ghi chú
23	7140201	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	30	Xét tuyển các phương thức TS04, TS05, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Ngữ văn, Toán, NK GDMN (M00) 2. Ngữ văn, Địa lí, NK GDMN (M07) 3. Ngữ văn, GDKT&PL, NK GDMN (M09) 4. Ngữ văn, Lịch sử, NK GDMN (M05)	
24	7140206	Giáo dục Thể chất	7140206	Giáo dục Thể chất	10	Xét tuyển các phương thức TS04, TS05, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Toán, NK GDTC 1, NK GDTC 2 (T09) 2. Ngữ văn, NK GDTC 1, NK GDTC 2 (T10)	
25	7140221	Sư phạm Âm nhạc	7140221	Sư phạm Âm nhạc	10	Xét tuyển các phương thức TS04, TS05, TS06, TS07 và sử dụng các tổ hợp sau: 1. Ngữ văn, NK ÂN 1, NK ÂN 2 (N00) 2. Toán, NK ÂN 1, NK ÂN 2 (N01)	

Ghi chú:

- Đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2025, Điểm môn Công nghệ được tính tương đương điểm môn công nghệ nông nghiệp; điểm môn Giáo dục công dân được tính tương đương điểm môn GDKT&PL (Giáo dục kinh tế và pháp luật) để xét tuyển.

- Đối với thí sinh xét tuyển vào ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử muốn đăng ký chuyên ngành Công nghệ bán dẫn cần đáp ứng các yêu cầu về chuẩn đầu vào quy định tại Quyết định số 1314/QĐ-BGDĐT ngày 13/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ.

- Trong kỳ tuyển sinh, nếu có thêm chỉ tiêu giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đầu thầu; Trường báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông báo cho thí sinh theo quy định.

- Trên cơ sở năng lực của Trường và các văn bản đặt hàng đào tạo đại học theo chế độ cử tuyển của các tỉnh, Trường Đại học Hùng Vương dự kiến tuyển sinh 120 chỉ tiêu đào tạo đại học theo chế độ cử tuyển (phương thức TS07).

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Nhà trường xét tuyển dựa trên quy tắc quy đổi điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo và quy định của trường; không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; áp dụng thang điểm 30 cho tất cả các ngành, tổ hợp xét tuyển. Trường hợp các thí sinh bằng điểm, ưu tiên thí sinh có điểm môn chính cao hơn (môn thứ nhất trong tổ hợp xét tuyển).

5.2. Điểm ưu tiên, điểm cộng

Thí sinh được hưởng điểm ưu tiên (điểm ưu tiên khu vực và đối tượng) theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành để tính vào tổng điểm xét tuyển. Nhà trường không tính điểm cộng (điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích) đối với thí sinh có thành tích đặc biệt, thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ...

5.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo

Trường Đại học Hùng Vương không áp dụng các tiêu chí để phân ngành, chương trình đào tạo trong quá trình thực hiện xét tuyển sinh.

5.4. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào trường

- Ưu đãi trong tuyển sinh năm 2025: Tặng học bổng, phần quà ưu đãi đối với các sinh viên nếu thuộc các đối tượng sau đây:

+ Tặng học bổng 5 triệu đồng/suất cho các Tân sinh viên có điểm trúng tuyển năm 2025 cao.

+ Tặng khoá học Tiếng Anh giao tiếp trị giá 3 triệu đồng/suất cho các Tân sinh viên đạt học sinh giỏi lớp 12 và đạt điểm thi môn tiếng Anh kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 từ 8.0 trở lên.

+ Các sinh viên thuộc diện chính sách, sinh viên có thành tích học tập, nghiên cứu khoa học tốt được nhận học bổng từ Quỹ hỗ trợ học sinh sinh viên của nhà trường.

- Công tác hỗ trợ thí sinh, sinh viên: Thí sinh liên hệ số điện thoại tuyển sinh, qua zalo, fanpage của Trường để được bộ phận tư vấn tuyển sinh hỗ trợ. Các thông tin về Trường, về ngành nghề đào tạo, chế độ chính sách, việc làm sinh viên, ... được công bố trên website Trường. Thí sinh truy cập website Trường và các trang mạng xã hội chính thức của nhà trường.

- Trong quá trình học tập, sinh viên được tham gia các câu lạc bộ phát triển kỹ năng; được giới thiệu cơ sở thực tập, vị trí việc làm sau tốt nghiệp.

6. Tổ chức tuyển sinh

- Trường Đại học Hùng Vương tổ chức tuyển sinh nhiều đợt trong năm. Thí sinh thực hiện đăng ký nguyện vọng hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến thông qua tài khoản đã được các trường THPT cấp để đăng nhập vào hệ thống quản lý thi

(thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn). Thí sinh đăng ký dự thi năng khiếu đăng ký trực tuyến tại hệ thống của trường (tuyensinh.hvu.edu.vn).

- Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển và xét tuyển theo kế hoạch và lịch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Tùy tình hình thực tế, lịch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và kết quả xét tuyển mà nhà trường sẽ có thông báo điều chỉnh các đợt xét tuyển cho phù hợp.

7. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển đối tượng theo các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Trường Đại học Hùng Vương thực hiện thu lệ phí thi năng khiếu (300.000 đ/thí sinh) đối với các thí sinh thi năng khiếu. Nhà trường thực hiện thu trước khi thí sinh dự thi các môn năng khiếu.

Thí sinh đăng ký nguyện vọng bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống quản lý thi (thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn) thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Trường Đại học Hùng Vương cam kết cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngành đào tạo mà không đủ điều kiện; chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến cơ sở đào tạo hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.

10. Các nội dung khác

- Các ngành đào tạo giáo viên: Thực hiện theo Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm.

- Các ngành đào tạo khác: Thực hiện theo Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021.

- Mức học phí năm học 2024 - 2025 đang thực hiện như sau:

Nhóm ngành Ngôn ngữ: 312.000 đồng/tín chỉ; Nhóm ngành Kinh tế: 323.000 đồng/tín chỉ; Ngành Thú y: 372.000 đồng/tín chỉ; Ngành Công nghệ thông tin: 371.000 đồng/tín chỉ; Nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật cơ khí: 366.000 đồng/tín chỉ; Ngành Quản trị Dịch vụ du lịch & lữ hành, du lịch: 281.000 đồng/tín chỉ; Ngành Điều dưỡng: 421.000 đồng/tín chỉ; Ngành CTXH: 323.000 đồng/tín chỉ; Ngành Khoa học cây trồng, Chăn nuôi: 385.000 đồng/tín chỉ.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Năm 2023 và năm 2024, Trường Đại học Hùng Vương đã thực hiện các phương thức tuyển sinh sau đây:

- (1). Xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT.
- (2). Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 ở bậc THPT.
- (3) Xét tuyển thẳng.

(Nhà trường tổ chức thi các môn năng khiếu đối với các ngành: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Sư phạm Âm nhạc)

Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất như sau:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00, C00, C19, D01	170	168	28.13/30.0	110	109	26.75/30.0	
2	7140209	Sư phạm Toán	A00, A01, D01, D84	25	25	26.50/30.0	25	25	24.75/30.0	
3	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00, C19, D14, C20	20	20	28.44/30.0	20	17	27.45/30.0	
4	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	D01, D11, D14, D15	20	20	26.60/30.0	20	20	25.30/30.0	
5	7140201	Giáo dục Mầm non	M00, M01, M07, M09	30	30	33.47/40.0	30	30	31.90/40.0	
6	7140206	Giáo dục Thể chất	T00, T02, T05, T07	10	10	34.00/40.0	10	10	31.75/40.0	
7	7140221	Sư phạm Âm nhạc	N00, N01	10	11	33.00/40.0	10	9	29.00/40.0	
8	7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, A09, D01	70	89	18.0/30.0	70	51	17.0/30.0	
9	7340201	Tài chính - Ngân hàng	A00, A01, A09, D01	60	51	18.0/30.0	60	47	17.0/30.0	
10	7340301	Kế toán	A00, A01, A09, D01	200	217	18.0/30.0	200	149	17.0/30.0	
11	7310101	Kinh tế	A00, A01, A09, D01	30	32	18.0/30.0	30	19	17.0/30.0	
12	7480201	Công nghệ thông tin	A00, A01, A10, D01	120	140	18.0/30.0	100	108	17.0/30.0	
13	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	A00, A01, A10, D01	20	33	18.0/30.0	20	14	16.0/30.0	
14	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00, A01, A10, D01	60	76	18.0/30.0	60	37	17.0/30.0	

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
15	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01, D11, D14, D15	80	89	19.0/30.0	80	80	17.0/30.0	
16	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D01, D04, D45, D15	420	655	21.0/30.0	300	290	17.0/30.0	
17	7720301	Điều dưỡng	A00, B00, D07, D08	120	120	19.0/30.0	60	52	19.0/30.0	
18	7640101	Thú y	A00, B00, D07, D08	30	21	18.0/30.0	30	13	16.0/30.0	
19	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00, C20, D01, D15	40	52	18.0/30.0	40	29	16.0/30.0	
20	7760101	Công tác xã hội	C00, C20, D01, D15	25	33	18.0/30.0				

Cán bộ tuyển sinh

TS. Đặng Thị Phương Thanh

Điện thoại: 0983129711

Email: bants.thv@moet.edu.vn

Phủ Thọ, ngày 30 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Khắc Thanh